TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày: 06- 9- 2022
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Đặng Thị Đôi

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên toà: Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 về ‘Tranh chấp chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐST-DS ngày 08/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Đồng Thị U, sinh năm 1940; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Ông Nguyễn Xuân Lánh, Luật sư của Văn phòng luật sư Tâm Huy thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số 30 H, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Bị đơn:

Anh Đặng Văn V, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đặng Thị N, sinh năm 1966; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 21/7/14/162 đường T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 5, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Chị Đặng Thị N1, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Anh Đặng Văn V1, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/2/2022, các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là cụ Đồng Thị U trình bày:

Cụ Đồng Thị U và cụ Đặng Văn P là vợ chồng, hai cụ có 05 người con là: Đặng Thị N, sinh năm 1966; Đặng Văn Tâm (Đặng Văn BUg), sinh năm 1968 (đã chết ngày 30/11/1996); Đặng Thị N1, sinh năm 1970; Đặng Văn V, sinh năm 1973; Đặng Văn V1, sinh năm 1978, ngoài ra hai cụ không còn người con nào khác và không có con nuôi. Trong thời gian chung sống, hai cụ xây dựng được khối tài sản chung là diện tích đất 450 m^2 và tài sản gắn liền trên đất, tại thửa đất số 424, tờ bản đồ số 05, địa chỉ Thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 232562, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00404 KT-10-Q1 ngày 23 tháng 12 năm 2005 cho người sử dụng đất là hộ bà Đồng Thị U, chồng là Đặng Văn P. Ngày 13/7/2012 cụ Đặng Văn P chết không để lại di chúc. Đến nay cụ Đồng Thị U muốn phân chia di sản thừa kế của cụ Đặng Văn P để lại cho các con nhưng anh Đặng Văn V giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không đồng ý phân chia. Do vậy cụ Đồng Thị U khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đặng Văn P để lại là quyền sử dụng 225 m^2 đất và tài sản, vật kiến trúc có trên đất tại địa chỉ như đã nêu trên cho các hàng thừa kế của cụ P theo quy định của pháp luật. Cụ U đề nghị chia di sản thừa kế của cụ P để lại theo phương án như sau:

Cụ U đề nghị được hưởng phần diện tích đất di sản sát với phần đất của cụ U, lần lượt sau đó đến phần đất di sản theo thứ tự của anh V1, chị N1, chị N, anh V. Trong trường hợp phần diện tích đất chia nhỏ không đảm bảo quy định của pháp luật thì cụ U đề nghị Tòa án tính giá trị đất đó ra bằng tiền, phần di sản của cụ U được hưởng thì cụ U đồng ý để cho anh V1 và anh V1 phải có trách nhiệm thanh toán trị giá phần di sản thừa kế đó cho cụ U và cụ U sẽ có trách nhiệm tháo dỡ các công trình, vật kiến trúc có trên phần đất giao cho anh V1 khi anh V1 có yêu cầu.

Đối với phần di sản thừa kế là tài sản, công trình, vật kiến trúc có trên đất thì cụ U đề nghị tính quy đổi bằng tiền và chia đều cho các đồng thừa kế. Đối với phần tài sản, vật kiến trúc có trên đất do anh V xây dựng thì cụ U đồng ý tính trị giá bằng tiền để trả cho anh V, không tính vào di sản thừa kế của cụ P để lại. Phần tài sản, vật kiến trúc có trên đất do anh V1 xây dựng thì do anh V1 không yêu cầu cụ U phải thanh toán trị giá phần tài sản này do đó cụ U đề nghị Hội đồng xét xử không tính vào giá trị di sản của cụ P để lại để chia di sản thừa kế và cụ sẽ có trách nhiệm tháo dỡ phần công trình, vật kiến trúc đó khi anh V1 có yêu cầu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân Lánh, Luật sư của văn phòng luật sư Tâm Huy thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng trình bày: Ông đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn, không có ý kiến, đề nghị nào khác.

Bị đơn là anh Đặng Văn V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do và đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai anh V vẫn không có mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn V1 trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn về di sản thừa kế của cụ Đặng Văn P để lại cũng như diện, hàng thừa kế của cụ P. Anh đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Đặng Văn P để lại như cụ U đã trình bày, phần diện tích đất anh được hưởng đề nghị Tòa án chia sát với phần đất của cụ U. Trong trường hợp phần diện tích đất chia nhỏ không đảm bảo quy định của pháp luật thì anh đề nghị Tòa án tính giá trị đất đó ra bằng tiền, anh đề nghị được nhận đất và sẽ có trách nhiệm thanh toán trị giá bằng tiền cho các đồng thừa kế. Đối với phần di sản thừa kế là tài sản, công trình, vật kiến trúc có trên phần đất di sản của cụ Đặng Văn P để lại thì do anh V1 nhận sử dụng nên anh sẽ có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế được hưởng di sản. Đối với phần tài sản là công trình, vật kiến trúc do anh xây dựng thì anh không yêu cầu cụ Đồng Thị U phải thanh toán cho anh trị giá phần tài sản này nhưng anh đề nghị tính giá trị theo kết quả định giá tài sản và không đưa vào phần di sản của cụ Đặng Văn P để chia di sản đồng thời anh nhận thanh toán cho anh V trị giá tài sản mà anh V đã xây dựng thay cho cụ Đồng Thị U.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị N1 trình bày: Chị nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn là cụ Đồng Thị U về di sản thừa kế của cụ Đặng Văn P để lại cũng như diện, hàng thừa kế của cụ P, phương án phân chia di sản và đồng ý với đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn V1, không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do và đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai chị N vẫn không có mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị N1, anh Đặng Văn V1 kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh Đặng Văn V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị N chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 620, 623, 649, 650, 651 Điều 688 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đặng Văn P để lại là 225m^2 đất cùng tài sản, vật kiến trúc gắn liền trên đất tại thửa đất số 424, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 232562, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00404 KT-10-Q1 ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng. Phương án phân chia di sản thừa kế như sau: Phần di sản của cụ Đặng Văn P để lại là quyền sử dụng đất được chia đều cho 05 người thuộc hàng thừa kế của cụ P là cụ U, anh V1, chị N1, chị N, anh V, cụ thể mỗi người được hưởng 45m^2 theo thứ tự như đề nghị của nguyên đơn là cụ U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị N1, anh V1. Do diện tích đất được chia nhỏ không đảm bảo quy định theo Quyết định số 1394/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng nên đề nghị Hội đồng xét xử tính giá trị thửa đất bằng tiền để chia cho các đồng thừa kế. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh Đặng Văn V1 được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất là di sản của cụ P đồng thời có trách nhiệm thanh toán bằng tiền trị giá tương ứng với phần di sản là quyền sử dụng đất được nhận của mỗi đồng thừa kế. Đối với phần di sản là tài sản, công trình, vật kiến trúc có trên đất thì đề nghị Hội đồng xét xử trừ đi phần giá trị tài sản do anh Đặng Văn V, Đặng Văn V1 xây dựng, không tính để chia di sản. Phần trị giá di sản là tài sản, vật kiến trúc còn lại thì đề

nghị Hội đồng xét xử chia đều cho 5 người thuộc hàng thừa kế của cụ Đặng Văn P. Chấp nhận đề nghị của nguyên đơn là cụ Đồng Thị U và sự tự nguyện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn V1 thanh toán trả lại cho anh V trị giá phần tài sản, công trình, vật kiến trúc anh V đã xây dựng trên thửa đất.

Về án phí: Cụ Đồng Thị U được miễn nộp tiền án phí; Chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị N1, anh Đặng Văn V1, anh Đặng Văn V mỗi người phải nộp án phí tương ứng với giá trị phần di sản mình được nhận. Phần tài sản của anh V được nhận lại anh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đặng Văn V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Đặng Văn V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị N.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn 5 N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng đồng thời di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thôn 5 N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

[3] Về thời hiệu: Cụ Đặng Văn P mất ngày 13/7/2012, ngày 18/01/2022 cụ Đồng Thị U có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế, theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu chia di sản thừa kế vẫn còn và thời điểm mở thừa kế của cụ Đặng Văn P là ngày 13/7/2012.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của cụ Đồng Thị U đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Đặng Văn P mất đi để lại:

[4.1] Về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật: Ngày 13 tháng 7 năm 2012 cụ Đặng Văn P mất, nguyên đơn là cụ Đồng Thị U và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị N1, anh Đặng Văn V1 đều khẳng định cụ P mất đi không để lại di chúc phần di sản thừa kế cho ai. Bị đơn là anh Đặng Văn V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị N không có ý kiến gì về yêu cầu khởi

kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn. Như vậy xác định cụ P mất đi mà không để lại di chúc nên yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn là cụ Đồng Thị U được hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét giải quyết.

[4.2] Về hàng thừa kế của cụ Đặng Văn P: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là cụ Đồng Thị U và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị N1, anh Đặng Văn V1 đều khẳng định: Cụ Đặng Văn P và cụ Đồng Thị U là vợ chồng, hai cụ có tất cả 5 người con là chị Đặng Thị N, sinh năm 1966; anh Đặng Văn Tâm (Đặng Văn BUg), sinh năm 1968 (đã chết ngày 30/11/1996), không có vợ, con; chị Đặng Thị N1, sinh năm 1970; anh Đặng Văn V, sinh năm 1973; anh Đặng Văn V1, sinh năm 1978, ngoài ra hai cụ không còn người con nào khác và không có con nuôi. Do vậy xác định hàng thừa kế của cụ Đặng Văn P bao gồm cụ Đồng Thị U, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị N1, anh Đặng Văn V và anh Đặng Văn V1.

[4.3] Về nguồn gốc sử dụng đất: Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng và cơ sở thôn 5, xã T thể hiện: Theo bản đồ giải thửa và sổ mục kê năm 1984 thì thửa đất số 424, tờ bản đồ số 05 đứng tên chủ sử dụng đất là Đặng Văn P, diện tích 480m^2 (trang số 74, dòng thứ nhất). Đến ngày 23/12/2005 thì hộ bà Đồng Thị U, chồng là Đặng Văn P được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 232562, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00404 KT – 10-Q1 ngày 23/12/2005 tại thửa đất số 424, tờ bản đồ số 05, diện tích 450m^2. Nguồn gốc của thửa đất trên là do bố mẹ cụ Đặng Văn P cho vợ chồng cụ P, cụ U. Cụ P và cụ U sử dụng diện tích đất nêu trên ổn định, lâu dài, là đất riêng của hộ gia đình chứ không phải là đất thờ cúng của dòng họ Đặng, dòng họ Đặng có nhà thờ dòng họ riêng và ở vị trí khác. Đồng thời căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Đồng Thị U, chồng là Đặng Văn P đã đủ căn cứ xác định khối tài sản chung của cụ Đặng Văn P và cụ Đồng Thị U là diện tích 450m^2 đất và tài sản gắn liền trên đất đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã nêu trên.

[4.4] Về xác định khối di sản thừa kế của cụ Đặng Văn P để lại:

- Quyền sử dụng diện tích 450m^2 đất thuộc quyền sử dụng của cụ Đặng Văn P và cụ Đồng Thị U. Do cụ Đặng Văn P và cụ Đồng Thị U là vợ chồng nên xác định đây là tài sản chung vợ chồng, vì vậy cụ P và cụ U mỗi người có quyền sở hữu ½ diện tích đất, cụ thể mỗi người có quyền sở hữu 225m^2 đất và ½ trị giá tài sản, công trình, vật kiến trúc có trên đất. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì xác định phần tài sản của cụ Đồng Thị U là quyền sử dụng 225m^2 đất có vị trí phía Đông giáp hộ ông Bùi Xuân Chi, phía Tây giáp đường thôn, phía Bắc giáp diện tích đất di sản

của cụ Đặng Văn P để lại, phía Nam giáp ngõ xóm (bao gồm các mốc 18a-12a-13-14-15-16-17-18-18a) Phần di sản thừa kế của cụ Đặng Văn P để lại là 225m^2 đất có vị trí phía Đông giáp hộ ông Bùi Xuân Chi, phía Tây giáp đường thôn, phía Bắc giáp ngõ hộ ông Đặng Văn Lo, phía Nam giáp phần đất của cụ Đồng Thị U (bao gồm các mốc 18a-18b-19-19a-19b-20-20a-1-2-3-4-5-6-7-7a-7b-8-9-9a-10-11-11a-12-12a-18a).

- Đối với phần tài sản, vật kiến trúc có trên đất thì căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá của Hội đồng định giá thì toàn bộ phần tài sản, vật kiến trúc có trên đất có tổng trị giá là 99.828.000 đồng. Nguyên đơn là cụ Đồng Thị U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị N1, anh Đặng Văn V1 đều có đề nghị tính giá trị tài sản, công trình, vật kiến trúc là di sản ra bằng tiền và chia đều cho các hàng thừa kế. Tuy nhiên, trong đó có một phần tài sản, công trình, vật kiến trúc theo lời khai của nguyên đơn là cụ Đồng Thị U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị N1 và anh Đặng Văn V1 là do anh Đặng Văn V xây dựng và một phần tài sản, công trình, vật kiến trúc là do anh Đặng Văn V1 xây dựng không đề nghị đưa vào chia di sản thừa kế nên cần xem xét để trừ đi trong tổng số trị giá tài sản, cụ thể:

+ Phần tài sản, vật kiến trúc anh V xây dựng trên đất gồm: 01 khu vệ sinh trị giá 300.548 đồng; sân láng xi măng trị giá 1.592.524 đồng; 01 khu chăn nuôi trị giá 2.966.329 đồng; cổng và cánh cổng trị giá 1.042.441 đồng; nhà tắm trị giá 2.943.025 đồng, tường bao trị giá 7.754.257 đồng. Tổng trị giá phần tài sản, công trình, vật kiến trúc do anh V xây dựng là 16.599.124 đồng. Phần trị giá tài sản này anh V1 đồng ý trả cho anh V thay cho cụ Đồng Thị U, cụ U cũng đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không làm mất quyền lợi của anh V nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Phần tài sản, vật kiến trúc anh V1 xây dựng trên đất gồm sân bê tông trị giá 12.154.757 đồng, 01 sân cao bê tông (nền móng nhà) trị giá 4.360.115 đồng, 01 công trình phụ gồm nhà bếp, nhà bệ sinh, nhà tắm trị giá 18.591.302, tường bao xây gạch chỉ trị giá 836.865 đồng, tường móng nhà phía sau trị giá 5.102.386 đồng, cổng và cánh cổng trị giá 3.351.535 đồng. Tổng trị giá tài sản là 44.396.960 đồng. Phần trị giá tài sản này anh V1 đồng ý để cụ U tiếp tục sử dụng, nếu có yêu cầu sau này anh sẽ yêu cầu bằng một vụ kiện riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do đó trị giá phần di sản là công trình, vật kiến trúc còn lại là 99.828.000 đồng – (16.599.124 đồng + 44.396.960 đồng) = 38.831.916 đồng. Trị giá phần tài sản, công trình, vật kiến trúc là di sản của cụ Đặng Văn P để lại là 38.831.916 đồng :2 = 19.415.958 đồng.

[4.5] Về phương án chia di sản thừa kế của cụ Đặng Văn P để lại: Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và hiện trạng của thửa đất thấy rằng diện tích 225m^2 tại thửa đất số 424, tờ bản đồ số 05 tại thôn 5, N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng có vị trí phía Đông giáp hộ ông Bùi Xuân Chi, phía Tây giáp đường thôn, phía Bắc giáp ngõ hộ ông Đặng Văn Lo, phía Nam giáp phần đất của cụ Đồng Thị U và trên đất có các công trình là nhà ở, vật kiến trúc. Hàng thừa kế của cụ Đặng Văn P là 05 người gồm cụ U, chị N, chị N1, anh V và anh V1 nên phần di sản này được chia đều cho 5 người 5 phần bằng nhau, như vậy phần diện tích đất mỗi người được nhận là 225m^2 : 5 = 45m^2/người. Cụ thể, cụ Đồng Thị U được nhận diện tích đất di sản là 45m^2 bao gồm các mốc 18b-11a-12-12a-18a-18b (*theo sơ đồ kèm theo bản án*); anh Đặng Văn V1 được nhận diện tích đất di sản là 45m^2 bao gồm các mốc 19a-9a-10-11-11a-18b-9-19a (*theo sơ đồ kèm theo bản án*); chị Đặng Thị N1 được nhận diện tích đất di sản là 45m^2 bao gồm các mốc 19b-7b-8-9-9a-19a-19b (*theo sơ đồ kèm theo bản án*); chị Đặng Thị N được nhận diện tích đất di sản là 45m^2 bao gồm các mốc 20a-7a-7b-19b-20-20a (*theo sơ đồ kèm theo bản án*); anh Đặng Văn V được nhận diện tích đất di sản là 45m^2 bao gồm các mốc 1-2-3-4-5-6-7-7a-20a-1 (*theo sơ đồ kèm theo bản án*). Tuy nhiên theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 1394/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định về hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao; hạn mức giao đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng; hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân và diện tích tách đất ở thì trường hợp này không đủ điều kiện để được tách thửa và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do diện tích của thửa đất không đảm bảo theo quy định. Do đó cần tính trị giá diện tích đất thành tiền để chia đều cho các đồng thừa kế. Theo kết luận định giá thì diện tích đất 225m^2 có giá là 225m^2 x 10.520.000 đồng/m^2 = 2.367.000.000 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử xác định tổng trị giá phần di sản của cụ Đặng Văn P để lại là 2.367.000.000 đồng + 19.415.958 đồng = 2.386.415.958 đồng, chia đều cho các đồng thừa kế thì mỗi người được hưởng số tiền là 2.386.415.958 đồng/5 = 477.283.191 đồng. Riêng anh Đặng Văn V còn được nhận thêm số tiền 16.599.124 đồng trị giá phần tài sản anh đã xây dựng, tổng số tiền anh V được nhận là 477.283.191 đồng + 16.599.124 đồng = 493.882.315 đồng. Tại phiên tòa, anh Đặng Văn V1 nhận trực tiếp quản lý, sử dụng đối với diện tích 225 m^2 đất đồng thời có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác khoản tiền tương ứng với phần di sản họ được nhận. Nguyên đơn là cụ Đồng Thị U, người có quyền lợi liên quan là chị Đặng Thị N1 thống nhất với ý kiến của anh V1; anh Đặng Văn V, chị Đặng Thị N vắng mặt và không có ý kiến, đề nghị gì. Do đó Hội đồng xét xử xét đề nghị của anh V1 là có cơ sở, cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội thì cụ Đồng Thị U là người cao tuổi và có đơn đề nghị được miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí; chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị N1, anh Đặng Văn V, anh Đặng Văn V1 mỗi người phải chịu án phí trên phần giá trị di sản mình được hưởng. Bị đơn là anh Đặng Văn V không phải chịu án phí đối với giá trị phần tài sản nhận lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 620, 623, 649, 650, 651, 660 Điều 688 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cụ Đồng Thị U về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đặng Văn P để lại tại thửa đất số 424, tờ bản đồ số 05 tại thôn 5, N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, cụ thể:

- Anh Đặng Văn V1 được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 225m^2 đất có các mốc giới bao gồm các mốc 18a-18b-19-19a-19b-20-20a-1-2-3-4-5-6-7-7a-7b-8-9-9a-10-11-11a-12-12a-18a (theo sơ đồ kèm theo bản án) và các tài sản gắn liền trên đất. Cụ Đồng Thị U có trách nhiệm tháo dỡ các công trình, vật kiến trúc có trên phần đất thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng của anh Đặng Văn V1 khi anh V1 có yêu cầu.

- Buộc anh Đặng Văn V1 phải có trách nhiệm thanh toán cho cụ Đồng Thị U, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị N1 mỗi người số tiền là 477.283.191 đồng (Bốn trăm bảy bảy triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, một trăm chín mốt đồng); anh V1 có trách nhiệm thanh toán cho anh Đặng Văn V số tiền là 493.882.315 đồng (Bốn trăm chín mươi ba triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Cụ Đồng Thị U được miễn nộp tiền án phí; Chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị N1, anh Đặng Văn V1, anh Đặng Văn V mỗi người phải nộp 23.091.328 đồng (Hai mươi ba triệu, không trăm chín mốt nghìn, ba trăm hai tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Về quyền yêu cầu thi hành án:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang